TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 199/2025/LĐ-ST Ngày: 24 – 4 – 2025 V/v: "Tranh chấp về hợp đồng lao động".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương

2. Ông Lê Văn Công

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 104/2025/TLST-LĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2025/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Thị Mỹ T sinh năm 1991; thường trú tại: Ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên lạc: 1 khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Q; trụ sở: Đường số E, KCN Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông IE SHENG CHANG, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Thu T1, sinh năm 1989; thường trú tại: Thôn S, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên (theo giấy ủy quyền ngày 17/3/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lý Thị H, sinh năm 1996; thường trú tại: Ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên lạc: C khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn – bà Lý Thị Mỹ T trình bày:

Do cần rút bảo hiểm xã hội một lần nên bà Lý Thị Mỹ T liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T thì được biết số căn cước công dân của bà T bị trùng 02 số bảo hiểm xã hội. Do vào khoảng tháng 02/2010 bà T cho bà Lý Thị H là em ruột mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Q từ tháng 02/2010 đến tháng 4/2010. Trong thời gian này thì bà T đang làm việc tại công ty khác. Khi thực hiện thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội thì phát hiện chứng minh nhân dân và căn cước của bà Thanh T2 số bảo hiểm xã hội.

Bà Lý Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Lý Thị Mỹ T (do Lý Thị H là người ký) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH Q trong khoảng thời gian làm từ tháng 02/2010 đến tháng 4/2010 là vô hiệu.

Bà T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, không yêu cầu giải quyết hậu của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản ý kiến, trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn – bà Trần Thị Thu T1 trình bày:

Công ty xác nhận quá trình đã ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Lý Thị Mỹ T, sinh năm 1991.

Thời gian tham gia Bảo hiểm từ tháng 02/2010 đến 04/2010 được Bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận quá trình Bảo hiểm xã hội.

Trong quá trình tuyển dụng người lao động vào làm việc, công ty sẽ căn cứ và hồ sơ xin việc có xác nhận hoặc công chứng của các cơ quan có thẩm quyền, trong đó người lao động cam kết các thông tin và hồ sơ hoàn toàn đúng sự thật và người lao động hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Việc bà Lý Thị H, sinh năm 1996 sử dụng hồ sơ và thông tin cá nhân của bà Lý Thị Mỹ T sinh năm 1991 để làm việc tại công ty là việc làm hoàn toàn chủ động của người mượn và người cho mượn. Việc mượn hồ sơ, sử dụng danh tính của người khác để xin việc là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động.

Phía công ty luôn tuân thủ pháp luật và căn cứ trên nguyện vọng của người lao động thể hiện bằng mong muốn xin việc làm tại công ty để giao kết hợp đồng với người lao động tuy nhiên công ty không có các công cụ phương tiện kiểm tra hồ sơ giấy tờ là thật hay giả của người lao động. Công ty chỉ có thể căn cứ trên sự xác nhận của các cơ quan chức năng. Mặt khác công ty đã đảm bảo thanh toán tiền lương và các chế độ khác đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tên Lý Thị Mỹ T đã ký hợp đồng lao động với công ty.

Sự việc này đã xảy ra rất lâu, từ tháng 02/2010 tới tháng 04/2010, Công ty TNHH Q, thay đổi nhân viên quản lý nhân sự, người lao động cũng đã nghỉ việc, toàn bộ hồ sơ nhân sự nghỉ việc của công ty trước năm 2020 đã bị hư hỏng do khử trùng trong đại dịch Covid 19 và đã tiêu hủy sau nên không ai có thể xác định được người lao động đã làm việc trong thời gian này tại công ty T3 là bà Lý Thị Mỹ T hay Lý Thị H. Công ty không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Mỹ T và đối

với vụ án này. Do bận công việc nên đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng như hòa giải, đối chất, xét xử tại cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có).

- Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Thị H trình bày:

Vào khoảng tháng 02/2010 bà H có mượn chứng minh nhân dân của bà Lý Thị Mỹ T để ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Q từ tháng 02/2010 đến tháng 4/2010. Nay bà T yêu cầu khởi kiện tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lý Thị Mỹ T và Công ty TNHH Q vô hiệu thì bà H đồng ý theo yêu cầu của bà T. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả vô hiệu của hợp đồng lao động với Công ty TNHH Q. Do thời gian quá lâu nên bà H không cung cấp được hồ sơ lao động với Công ty TNHH Q. Do bận công việc nên bà H yêu cầu được giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đối chất, xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có).

- Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Bà Lý Thị Mỹ T, sinh năm 1991, số chứng minh nhân dân 365833679; số căn cước công dân 094191005744 được Công ty TNHH Q đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp cho bà T từ tháng 02/2010 đến tháng 4/2010 mã số sổ Bảo hiểm xã hội 7410091858.

Ngoài ra từ tháng 4/2010 đến tháng 01/2024 bà Lý Thị Mỹ T cũng được công ty TNHH Standard Furniture Việt Nam, công ty Cổ phần S tham gia bảo hiểm xã hội cho bà T với các mã số bảo hiểm lần lượt là 7410108345, 7411218110.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Lý Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là bà Lý Thị Mỹ T (do bà Lý Thị H là người ký) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH Q trong khoảng thời gian từ tháng 02/2010 đến tháng 4/2010 là vô hiệu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng lao động" được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn - Công ty TNHH Q có địa chỉ trụ sở tại phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa bà T (do bà H ký) và Công ty TNHH Q. Tuy nhiên, tất cả các đương sự đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung:

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương cung cấp có cơ sở xác định bà Lý Thị Mỹ T cho bà Lý Thị H mượn hồ sơ mang tên bà T để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Q theo mã số Bảo hiểm xã hội số 7410091858. Trong khoảng thời gian trên, bà Lý Thị Mỹ T cũng tham gia lao động tại các doanh nghiệp khác và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo mã số Bảo hiểm xã hội lần lượt số 7410108345, 7411218110.

Thực tế đối tượng lao động và đối tượng ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH Q từ tháng 02/2010 đến tháng 4/2010 là bà Lý Thị H chứ không phải bà Lý Thị Mỹ T. Việc bà H mượn hồ sơ của bà T để đi làm tại Công ty TNHH Q là vi phạm nguyên tắc trung thực theo tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 (khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019), do đó căn cứ Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) và Điều 49, Điều 50 Bộ luật lao động năm 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

[6] Bà H và Công ty TNHH Q không tranh chấp gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 và Điều 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

- Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015).

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lý Thị Mỹ T về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn - Công ty TNHH Q:

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Lý Thị Mỹ T và Công ty TNHH Q trong thời gian từ 02/2010 đến tháng 4/2010 bị vô hiệu toàn bộ.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Lý Thị Mỹ T theo quy định pháp luật.

2 . Về án phí: Bà Lý Thị Mỹ T tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000873 ngày 04/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Lê Thị Ngọc